TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 893/2026/QĐST- DS	*Hà Nội, ngày 20 tháng 7 n¨m 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 757/2026/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng phòng. Theo văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/03/2026 của Chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng TMCP V. Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Vương Văn T – Trưởng bộ phận xử lý nợ và bà Vũ Ngọc A, ông Phạm Minh P – Cán bộ xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 2262/2026/UQ-KHCN ngày 22/6/2026 của ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng phòng.

Bị đơn: Bà Phan Thị T1, sinh năm 2006. Căn cước công dân số 001306026625 do Cục C về TTXH cấp ngày 19/04/2021. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã

M, thành phố Hà Nội đã chuyển khẩu về nhà chồng tại: Khu phố L, phường Q, tỉnh Bắc Ninh.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Phan Thị T1 vay của Ngân hàng TMCP V theo theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1. Hợp đồng cho vay số LN2502204988440 ngày 22/02/2025; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2502204988440):

- Số tiền vay: 294.500.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Thời hạn cho vay: 96 tháng (Bằng chữ: Chín mươi sáu tháng), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MG (MORRIS GARAGES), NEW MG5 1.5L MT, 1.5L, MT sản xuất mới 100%.

- Các kỳ trả nợ, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/02/2025 (Số thẻ: 374-P-1222858):

- Hạn mức: Tối đa bằng 5% giá trị khoản vay có tài sản bảo đảm được V1 phê duyệt theo đề nghị tại Giấy đề nghị vay vốn có Tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử của bà Phan Thị T1 ký.

- Mục đích cấp tín dụng: Phục vụ nhu cầu đời sống.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu MG (MORRISGARAGES), NEW MG5 1.5LMT, 1.5L, MT; Số Giấy chứng nhận đăng ký: 29005522; Biển số đăng ký: 29K-199.00; Số khung: LSJA36E30RZ195400; Số máy: 15S4C9KGR3140608 theo Hợp đồng thế chấp số LN2502204988440 ký ngày 22/02/2025 giữa bà Phan Thị T1 và Ngân hàng V1. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Phan Thị T1. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, bà Phan Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. V1 đã yêu cầu bà T1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay vì đã vi phạm hợp đồng nhưng bà T1 chưa thanh toán

Tính đến hết ngày 09/7/2026, bà Phan Thị T1 còn nợ Ngân hàng số tiền là: 283.205.411 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm mười một đồng), gồm:

- Nợ gốc: 257.684.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 2.869.701 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 21.739.827 đồng.
- Lãi chậm trả: 135.983 đồng.
- Phí: 775.900 đồng.

Cụ thể theo từng Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2502204988440 ngày 22/02/2025; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2502204988440):

- Nợ gốc: 257.684.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 2.869.701 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 21.669.766 đồng.
- Lãi chậm trả: 135.983 đồng.

2. Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/02/2025 (Số thẻ: 374-P-1222858):

- Phí: 775.900 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 70.061 đồng.

Bà Phan Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V tính đến hết ngày 09/7/2026 là: 283.205.411 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu, hai trăm linh năm nghìn, bốn trăm mười một đồng). Bà Phan Thị T1 tiếp tục chịu nợ lãi kể từ ngày 10/7/2026 trên số nợ của từng hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi bà Phan Thị T1 thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

Các bên thống nhất cho bà Phan Thị T1 trả nợ cho Ngân hàng theo lộ trình cụ thể như sau:

- Chậm nhất ngày 09 tháng 8 năm 2026, bà Phan Thị T1 có trách nhiệm

thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.

- Chậm nhất vào ngày 09 tháng 9 năm 2026, bà Phan Thị T1 có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2502204988440 ngày 22/02/2025; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số LN2502204988440) và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 22/02/2025 (Số thẻ: 374-P-1222858) cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Trong quá trình thực hiện lộ trình trả nợ nói trên nếu bà Phan Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ của bà với Ngân hàng gồm: 01 xe ô tô, nhãn hiệu MG (MORRISGARAGES), NEW MG5 1.5LMT, 1.5L, MT; Số Giấy chứng nhận đăng ký: 29005522; Biển số đăng ký: 29K-199.00; Số khung: LSJA36E30RZ195400; Số máy: 15S4C9KGR3140608 theo Hợp đồng thế chấp số LN2502204988440 ký ngày 22/02/2025 giữa bà Phan Thị T1 và Ngân hàng V1.

Việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 14.160.270 đồng (Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn, hai trăm bảy mươi đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu 1/2 = 7.080.135 đồng (Bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để bà Phan Thị T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để bà Phan Thị T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phan Thị T1 phải nộp: 7.080.135 đồng (Bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 6.599.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/26E số 0015665 ngày 25/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh